TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 18/6/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Phong**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Bé Hai.**

Ông **Phạm Phước Tâm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2019/QĐST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lương Thị Hồng P,** sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Trần Minh T**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lương Thị Hồng P trình bày tại phiên tòa:

Nguyên ngày 06/01/2019, ông Trần Minh T có vay của chị Lương Thị Hồng P số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay là để mua bán, thời hạn vay 07 ngày, có viết biên nhận.

Đến nay, đã quá thời hạn trả tiền, chị P đã đến nhà ông T đòi lại tiền, nhưng ông T hẹn nhiều lần vẫn chưa trả tiền cho chị P.

Tại phiên tòa, chị Lương Thị Hồng P yêu cầu ông Trần Minh T trả cho chị P số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Biên nhận 06/01/2019 (bản chính).

Các tình tiết không phải chứng minh: Bị đơn ông Trần Minh T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T vẫn không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, bị đơn ông Trần Minh T hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Minh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Minh T theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự còn lại.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Trần Minh T trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng. Chị P chứng minh bằng: Biên nhận ngày 01/6/2019 (bản chính).

Theo đó, chị Lương Thị Hồng P và ông Trần Minh T có mối quan hệ quen biết từ trước và là hàng xóm với nhau. Ngày 06/01/2019, ông T đã vay của chị P số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 07 ngày (tức là đến ngày 13/01/2019 sẽ trả hết), mục đích vay là để mua bán, anh T có làm biên nhận cùng ngày. Sau khi đến hạn ông T không thực hiện việc trả tiền nên chị P đã khởi kiện ông T tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt và bị đơn là ông Trần Minh T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời ông T cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Như vậy, việc ông Trần Minh T có vay của chị Lương Thị Hồng P số tiền 50.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Tuy nhiên cho đến nay, ông T vẫn chưa trả được số tiền nói trên cho chị P như đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu

này của chị P là có căn cứ, nên chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*"

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày trước đây khi thỏa thuận cho vay thì các bên không có thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu trả số tiền vốn, không yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền đã cho ông T vay từ khi ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho đến hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Hồng P.

Về án phí: Ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Hồng P.

- Buộc ông Trần Minh T có trách nhiệm trả cho chị Lương Thị Hồng P số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Ông Trần Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đồng

- Chị Lương Thị Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006497 ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Văn Phong